

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 409 /2023/HS-PT
Ngày: 15/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Chí Công

Ông Phạm Việt Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 230/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023; đối với bị cáo Lê Trường G về tội “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo:

Lê Trường G, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1973 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: Số E đường C, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T và bà Lê Thị Lan P; có vợ (Lê Thị B, *sinh năm 1976*) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án: Chưa;

Tiền sự: Ngày 01/4/2020 bị Công an quận N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 96 về hành vi: “*Không khai báo tạm trú cho người nước ngoài thuê nhà để ở*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2022 đến ngày 10/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn: Thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Trường G:

+ Bà Nguyễn Thị H - Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: Số E đường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh T1 - Luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Hồng H1 và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A đường T, quận C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Z, sinh ngày 03/5/1975; quốc tịch: Trung Quốc; số hộ chiếu: E60403505, số CMND: 3706201972050361X; địa chỉ: P tòa nhà B, dân cư C, đường M, quận X, thành phố N, Khu tự trị dân tộc Hồi N, Trung Quốc. Vắng mặt.

+ Ông Shen S, sinh ngày 14/9/1968; quốc tịch: Trung Quốc; số hộ chiếu: E52861433, số CMND: 35267196809143818; địa chỉ: P, tòa nhà D, số B đường M, thành phố H, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Vắng mặt.

+ Ông Su Hong W, sinh ngày 25/6/1970; quốc tịch: Trung Quốc; số hộ chiếu: EA3700276, số CMND: 110221197006258310; địa chỉ: P, tòa nhà F, quận X, thành phố B, Trung Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trường G là chủ cơ sở kinh doanh lưu trú S2, lô B N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 32D8008365 về dịch vụ lưu trú và cho thuê nhà do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 14/01/2020.

Ngày 30/3/2020, Công an quận N tiến hành kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh của G ghi nhận có 08 người nước ngoài đang lưu trú, trong đó có ông Coronel Michael H2 (*sinh 1976; quốc tịch: Phillippines; thời hạn thị thực đến ngày 12/3/2020*) thời điểm kiểm tra đã hết hạn thị thực. Tiến hành xác minh và theo trình bày của G thì những người có tên trên lưu trú tại cơ sở kinh doanh Seaview từ khoảng 17 ngày đến 02 tháng nhưng G chưa khai báo tạm trú trên hệ thống quản lý tạm trú đối với người nước ngoài của Phòng Quản lý Xuất nhập Cảnh Công an thành phố Đ. Do đó, ngày 01/4/2020 Công an quận N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96 đối với G về hành vi: “*Không khai báo tạm trú cho người nước ngoài thuê nhà để ở*”, theo quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 8 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 với mức tiền phạt 3.000.000 đồng. Cùng ngày, Phòng Tài chính kế hoạch quận N thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đồng thời ra Quyết định số 08 ngày 01/4/2020 thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với Lê Trường G; Ngày 01/4/2020, ra Thông báo số 53/TB-PTCKH thông báo cho Lê Trường G về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Sau khi bị xử phạt vi phạm hành chính, G được Đội An ninh Công an quận N, thành phố Đà Nẵng hướng dẫn lập tài khoản, cách thức đăng ký trực tuyến cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật và được Cảnh sát khu vực phường H hướng dẫn kiểm tra hộ chiếu, thị thực của người nước ngoài, theo đó thị thực còn hạn thì mới cho vào cơ sở kinh doanh để lưu trú. Sau khi đăng ký thì phải chụp hình hộ chiếu, thị thực gửi cho Công an phường. Đến tháng 3/2021 G đến bộ phận một cửa làm thủ tục cấp mới và ngày 09/3/2021 được

Phòng Tài chính kế hoạch quận N cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 32D8009347.

Lúc 10 giờ 30 phút, ngày 24/11/2021, Công an quận N tiến hành kiểm tra cơ sở lưu trú Seaview của Lê Trường G, phát hiện 05 người nước ngoài đang lưu trú, trong đó có 03 người đã hết hạn thị thực nhưng được G đồng ý cho vào cơ sở kinh doanh của mình để ở nhằm thu tiền phòng, cụ thể:

1. Zhao Tao (sinh ngày 14/12/1978; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu E88427387), thị thực hết hạn vào ngày 22/9/2020. Theo Công hàm số 03/2022 của Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa nhân dân T3 tại Đà Nẵng thì Z Tao là đối tượng đang bị truy nã trên mạng Công an Ngân Xuyên về tội giam giữ trái phép vào ngày 14/5/2019, sau đó xuất cảnh sang Việt Nam từ Sân bay C vào ngày 30/3/2019 và đến Sân bay Quốc tế Đ.

Khi đến Việt Nam Zhao Tao đi lại và lưu trú nhiều nơi ở thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Đến ngày 10/5/2020, Zhao T2 đến lưu trú tại cơ sở S2 và ở liên tục tại đây cho đến ngày 24/11/2021.

Từ ngày 10/5/2020 đến ngày 22/9/2020, thời gian này cơ sở kinh doanh của G đã bị thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng thị thực của Zhao T2 còn hạn nên G thực hiện đăng ký tạm trú trực tuyến theo hướng dẫn đồng thời gửi ảnh chụp thị thực của Zhao Tao qua mạng zalo cho Cảnh sát khu vực để Công an phường xác nhận vào ngày 11/5/2020, Cảnh sát khu vực có yêu cầu G bổ sung hợp đồng thuê, bản photo hộ chiếu, thị thực để lưu tại Công an phường nhưng G không thực hiện.

Khi biết thời hạn thị thực của Zhao T2 đã hết, từ ngày 23/9/2020 đến ngày 15/11/2020 không khai báo tạm trú đối với người nước ngoài trên hệ thống trực tuyến theo quy định. Đến ngày 16/11/2020, G khai báo tạm trú cho Zhao Tao trên hệ thống trực tuyến thời hạn lưu trú từ ngày 16/11/2020 đến ngày 31/12/2021. Do thời hạn khai báo lưu trú trên 30 ngày nên Cảnh sát khu vực đã nhiều lần nhắc nhở G cung cấp hộ chiếu, thị thực, hợp đồng thuê nhà để Công an phường xác nhận thông tin đăng ký tạm trú nhưng G không cung cấp.

Từ ngày 23/9/2020 (hết hạn thị thực) đến ngày 24/11/2021 (bị cơ quan chức năng phát hiện), G tạo điều kiện để Zhao T2 ở lại trái phép tại cơ sở Seaview 14 tháng. G thu lợi bất chính số tiền 42.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2022, Cơ quan an ninh điều tra Công an thành phố Đ đã có Công văn số 367/CV-ANĐT thông báo đối tượng bị truy nã cho Phòng C Công an thành phố Đ.

2. Shen Si Hua (sinh ngày 14/9/1968; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu E52861433), nhập cảnh vào Việt Nam tại Sân bay T vào ngày 22/8/2019, thị thực hết hạn vào ngày 23/12/2019.

Ngày 27/7/2020, Shen Shi H3 đến thuê phòng tại cơ sở kinh doanh lưu trú của G, thời gian này G đã bị thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh nhưng vẫn nhận Shen Shi H3 vào ở liên tục cho đến ngày bị phát hiện (24/11/2021). Quá trình Shen Shi H3 ở tại đây, G có kiểm tra hộ chiếu, thị thực nhưng Shen Shi H3 trả lời đang đi gia hạn nên G chỉ khai báo trên hệ thống trực tuyến của Phòng Xuất nhập cảnh Công an thành phố Đ, Cảnh sát khu vực đã nhắc nhở, yêu cầu

cung cấp ảnh chụp thị thực đối với Shen Si Hua khi vào ở tại cơ sở lưu trú, nhưng G luôn tìm cách né tránh, trì hoãn việc cung cấp ảnh chụp thị thực cho Cảnh sát khu vực để Công an phường xác nhận vào thông tin đăng ký tạm trú.

Trong thời gian từ 27/7/2020 - 24/11/2021, Shen S ở tại cơ sở S2 16 tháng. Số tiền phải trả cho G là 48.000.000 đồng (*chưa bao gồm điện nước*). Tuy nhiên, Shen Si H4 mới trả cho G 35.500.000 đồng. Sau khi trừ tiền điện nước Shen S sử dụng, G thu lợi số tiền 28.137.000 đồng.

3. Su Hong Wei (*sinh ngày 25/6/1970; Quốc tịch: Trung Quốc; hộ chiếu EA 3700276*), theo Công hàm số 031/2022 là đối tượng bị liệt vào danh sách những người thi hành không trung thực 05 lần. Ngày 01/12/2017, xuất cảnh sang Việt Nam tại Sân bay Thủ đô B đến Sân bay quốc tế Đ, thị thực của Su Hong Wei hết hạn từ ngày 01/01/2018.

Ngày 02/02/2021, Su H đến thuê cơ sở lưu trú của G, thời gian này G vẫn chưa làm giấy phép đăng ký kinh doanh mới nhưng vẫn nhận Su Hong Wei để ở liên tục tại cơ sở kinh doanh của mình cho đến ngày bị phát hiện (24/11/2021). Khi Su Hong W đến thuê phòng, G có hỏi hộ chiếu, thị thực nhưng Su Hong W trả lời thị thực đang đi gia hạn nên G chỉ khai báo thông tin trên hệ thống trực tuyến, không làm hợp đồng thuê phòng, không cung cấp hình ảnh hoặc bản photo hộ chiếu, thị thực để Công an phường xác nhận vào thông tin đăng ký tạm trú.

Su Hong Wei ở tại cơ sở lưu trú của G 10 tháng, G thu lợi bất chính số tiền 30.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 127/CT-VKS-P2 ngày 10/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Lê Trường G về tội “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Từ những nội dung đã xác định nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trường G phạm tội: “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*”.

1. Căn cứ vào điểm b, đ khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Trường G 04 (bốn) năm tù. Được trừ đi thời hạn tạm giam trước đó từ ngày 01/7/2022 đến ngày 10/11/2022 là 04 (bốn) tháng 09 (chín) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Trường G số tiền: 10.000.000 đồng.

2. Buộc bị cáo phải tiếp tục nộp lại số tiền thu lợi bất chính còn lại là: 98.137.000 đồng (*chín mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Tiếp tục quy trừ 2.000.000 đồng thu lợi bất chính do bị cáo đã nộp (*theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Sở Tài chính thành phố Đ ngày 07/6/2022*), để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 19/4/2023, bị cáo Lê Trường G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đến ngày 02/8/2023, bị cáo Lê Trường G có đơn xin giảm án và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm án và xin được hưởng án treo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án; Kiểm sát viên cho rằng: Kết luận điều tra, cáo trạng và Bản án sơ thẩm đều xác định bị cáo Lê Trường G đều thu tiền của 03 khách Trung Quốc là Zhao T2, Shen S và Su H đều với số tiền 3.000.000 đồng/01 khách/tháng nhưng chỉ trừ tiền chi phí điện nước của khách Shen Si Hua sử dụng, không trừ tiền chi phí điện nước của Zhao T2 và Su Hong W là không đúng và đây là chi phí hợp lý phải được tính trừ vào tiền thu lợi bất chính theo hướng dẫn tại Mục 2.9 Công văn số 1557/VKSTC-V1 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự: “*Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” đối với bị cáo không đúng. Bên cạnh đó, bị cáo phạm tội trong thời gian cao điểm dịch bệnh covid -19 đã gây khó khăn cho bị cáo trong việc thực hiện các thủ tục tạm trú theo quy định, bị cáo cũng đã nhận thức trách nhiệm bằng việc đăng ký tạm trú cho 03 khách này với cơ quan chức năng, cảnh sát khu vực và cơ quan an ninh quận N nên bị cáo phải được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trường G và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Lê Trường G thừa nhận ngày 01/04/2020 bị cáo đã bị Công an quận N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96 về hành vi: “*Không khai báo tạm trú cho người nước ngoài thuê nhà để ở*”.

Sau khi bị xử phạt hành chính, bị cáo nhận thức được trách nhiệm của chủ cơ sở lưu trú là phải kiểm tra hộ chiếu, thị thực (*thường gọi là visa*) còn thời hạn: “*Tôi nhận thức được người nước ngoài vào lưu trú thì tôi phải có trách nhiệm kiểm tra hộ chiếu, thị thực của họ và khi thị thực hết hạn thì không được cho ở lại cơ sở lưu trú...*” và sau khi đủ điều kiện lưu trú thì phải có hợp đồng thuê phòng: “*Qua làm việc với cảnh sát khu vực trước đây, tôi được biết chủ cơ*

sở lưu trú phải có trách nhiệm kiểm tra hộ chiếu, thị thực của khách còn hạn mới cho vào ở ...đối với khách ở dài hạn phải có hợp đồng thuê nhà, hộ chiếu, thị thực còn hạn của khách để nộp cho cảnh sát khu vực...”. Đồng thời, bị cáo cũng biết được 03 khách người Trung Quốc là Zhao T2, Shen S và Su Hong Wei không thuộc diện tự động gia hạn tạm trú: “Tôi thừa nhận, 03 khách nước ngoài trên không thuộc diện tự động gia hạn...” và biết được việc gia hạn thị thực thì phải có giấy hẹn: “Tôi hiểu được khách nước ngoài muốn lưu trú tại cơ sở phải có hộ chiếu và thị thực còn hạn, trường hợp khách nói thị thực đang gia hạn thị thực thì phải có giấy hẹn từ cơ quan chức năng.” nhưng khi khách Trung Quốc là Shen S đến thuê phòng vào ngày 27/7/2020 và Su Hong W đến thuê phòng vào ngày 02/02/2021 đều không có thị thực, không có giấy hẹn gia hạn thị thực; đối với khách Trung Quốc là ZaoTao: bị cáo biết thị thực hết hạn ngày 22/9/2020 và không có giấy hẹn gia hạn thị thực nên bị cáo G không lập hợp đồng thuê nhà, không nộp thị thực để nộp theo yêu cầu của Cảnh sát khu vực: “Zhao Tao, Shen S và Su H...tôi chỉ đăng ký tạm trú online nhưng không lập hợp đồng thuê nhà, không photo hồ sơ để nộp cho Cảnh sát khu vực”. Do đó, việc 03 khách Trung Quốc là Zhao T2, Shen S và Su H lưu trú tại cơ sở kinh doanh tại B N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng của bị cáo Lê Trường G liên tục cho đến khi bị cơ quan chức năng phát hiện vào ngày 24/11/2021 và việc Lê Trường G thu tiền phòng 3.000.000 đồng/01 khách/tháng; Tòa án cấp sơ thẩm kết án Lê Trường G, về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo Lê Trường G tại cấp sơ thẩm đều xác định Lê Trường G thu tiền phòng của 03 khách Trung Quốc là Zhao T2 (phòng 304), Shen Si H4 (phòng 301) và Su Hong W (phòng 302) với số tiền 3.000.000 đồng/01 khách/tháng và có yêu cầu xem xét lại số tiền thu lợi bất chính; vì bị cáo còn chi phí nhiều khoản phục vụ cho khách lưu trú: “kính mong cơ quan điều tra và cơ quan chức năng xem xét lại số tiền tôi thu lợi.”; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo G cũng cho rằng việc bị cáo tự khai nhận tổng số tiền thu lợi bất chính 100.137.000 đồng là do bị cáo chưa tính toán được việc thu lợi là bao nhiêu: “Do lúc đó bị cáo chưa thống kê hết được”.

Bản án sơ thẩm đã nhận định: Z1 đóng tiền phòng là 3.000.000 đồng/tháng, bị cáo G đã thu tiền phòng 14 tháng, với số tiền 42.000.000 đồng; Su H đóng tiền phòng là 3.000.000 đồng/tháng, bị cáo G thu tiền phòng 10 tháng, với số tiền 30.000.000 đồng; Shen S đóng tiền phòng là 3.000.000 đồng/tháng, tổng cộng 16 tháng với số tiền 48.000.000 đồng nhưng Shen Si H4 mới trả 35.500.000 đồng và sau khi trừ đi tiền điện nước, còn lại bị cáo thu lợi 28.137.000 đồng; từ đó xác định, bị cáo Lê Trường G thu lợi bất chính với tổng số tiền 100.137.000 đồng (42.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 28.137.000 đồng) và áp dụng tình tiết định khung tăng nặng theo điểm đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự: “Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Đối với trường hợp của khách Shen Si H4 cũng với số tiền cho thuê phòng 3.000.000 đồng/tháng nhưng được tính trừ chi phí hợp lý tiền điện nước số tiền là 7.363.000 đồng (*còn thu lợi 28.137.000 đồng*) nhưng đối với trường hợp của 02 khách là Zhao T2 và Su H cũng với số tiền cho thuê phòng 3.000.000 đồng/tháng nhưng không được tính trừ chi phí hợp lý tiền điện nước là không phù hợp thực tế khách quan và chưa chính xác như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa là có cơ sở. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm xác định số tiền bị cáo Lê Trường G chi phí hợp lý tiền điện nước đối với trường hợp của 02 khách là Zhao T2 và S1 Hong Wei là: $(7.363.000 \text{ đồng} : 16 \text{ tháng}) \times 24 \text{ tháng}$ (*Zhao Tao 14 tháng, Su H 10 tháng*) = 11.045.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo Lê Trường G thu lợi bất chính trong vụ án là 89.092.000 đồng và bị cáo Lê Trường G không phạm vào tình tiết định khung tăng nặng theo điểm đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự: “*Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Trường G:

Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính, đã phối hợp tạo điều kiện cho 03 khách Trung Quốc nêu trên được tiếp tục ở lại cơ sở lưu trú, để phục vụ điều tra và xử lý; cha của bị cáo có công theo quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng với tính chất nghiêm trọng của vụ án và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đối với xã hội như Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá là đúng nên việc xử phạt tù và không cho bị cáo được hưởng án treo là cần thiết, đáp ứng với yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

Tuy nhiên, như đã nhận định tại phần [2]; bị cáo Lê Trường G không phạm vào tình tiết định khung tăng nặng theo điểm đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng để quyết định hình phạt. Đồng thời, bị cáo phạm tội lần đầu và thời điểm phạm tội của bị cáo là trong hoàn cảnh: là thời gian cao điểm mà toàn xã hội phải thực hiện chỉ thị 15/CT-TTg và 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ cũng đã làm ảnh hưởng đến nhận thức và tâm lý trong việc thực hiện các thủ tục tạm trú theo quy định. Bên cạnh đó, tại giai đoạn phúc thẩm; bị cáo tiếp tục nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và tiền phạt bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, HĐXX chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm cho bị cáo Lê Trường G một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Lê Trường G không phải chịu.

[5]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền và nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Trường G và sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trường G phạm tội: “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*”.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Trường G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Được trừ đi thời hạn đã tạm giam - từ ngày 01/7/2022 đến ngày 10/11/2022 là 04 (bốn) tháng 09 (chín) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Trường G số tiền: 10.000.000 đồng.

2. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Trường G không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh